

TOÁN 3 - ÔN LUYỆN HÈ (1)

I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số gồm 5 chục nghìn, 4 nghìn, 7 trăm và 3 chục được viết là:

- A. 54 703 B. 54 730 C. 45 730 D. 5 473

Câu 2. Kết quả phép chia $18\ 523 : 6$ là:

- A. 3 087 B. 3 087 (dư 1) C. 3 870 (dư 1) D. 3 085 (dư 3)

Câu 3. Giá trị của biểu thức $(65\ 180 - 37\ 420) : 4$ là:

- A. 6 940 B. 9 640 C. 27 760 D. 6 935

Câu 4. Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $38\ 105 + 12\ 940$ B. $98\ 420 : 2$ C. $72\ 600 - 21\ 800$ D. $8\ 510 \times 6$

Câu 5. Một hình vuông có chu vi là 36 cm. Vậy diện tích của hình vuông đó là:

- A. 18 cm^2 B. 81 cm^2 C. 24 cm^2 D. 64 cm^2

Câu 6. Mỗi giờ làm thêm Hà nhận được 32 000 đồng. Hôm nay Hà làm 3 giờ và còn được thưởng thêm 15 000 đồng. Vậy số tiền hôm nay Hà nhận được là:

- A. 96 000 đồng B. 111 000 đồng C. 50 000 đồng D. 105 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$$4\ 382 + 5\ 179$$

$$38\ 471 + 4\ 629$$

$$42\ 615 - 24\ 183$$

$$12\ 408 \times 7$$

Bài 2. Đặt tính rồi tính (Phép chia):

$$45\ 924 : 4$$

$$48\ 535 : 5$$

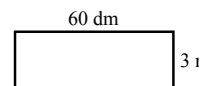
$$75\ 369 : 9$$

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức:

$$45\ 200 - 18\ 530 + 3\ 415$$

$$31\ 624 + 28\ 416 : 4$$

Bài 4. Một chiếc bàn hình chữ nhật có chiều dài là 60 dm, chiều rộng bằng 3 m. Hỏi chiếc bàn đó có chu vi bằng bao nhiêu mét?



Bài giải:

Bài 5. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Bảng số liệu về dân số của bốn huyện năm 2022.

Huyện	Đơn Dương	Đức Trọng	Lạc Dương	Di Linh
Số dân (người)	78 450	95 120	61 380	89 600

- Trong bốn huyện trên, huyện có số dân nhiều nhất là huyện:
- Trong bốn huyện trên, huyện có số dân ít nhất là huyện:
- Tên các huyện viết theo thứ tự có số dân từ ít nhất đến nhiều nhất là:

Bài 6. 4 bạn đã cùng nhau góp tiền mua một chiếc đồng hồ để bàn tặng thầy chủ nhiệm nhân ngày 20/11. Một bạn đại diện đưa cô bán hàng 200 000 đồng, cô bán hàng trả lại 40 000 đồng. Hỏi mỗi bạn phải góp bao nhiêu tiền? Biết rằng số tiền mỗi bạn góp là như nhau.

Bài giải:

